

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/DSPT

Ngày: 06/5/2022

Về việc tranh chấp “vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Ngọc Hà

*Các Thẩm phán :* Ông Ngô Chiu

Bà Lê Thị Thái Lan

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Cao Thị Thu Hà –Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2022/DSPT ngày 25 tháng 01 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXX-PT ngày 18 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

**1.Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1963; Địa chỉ: 26 Trần P, phường 2, thành phố Tuy Hòa, Phú Yên. Có mặt.

**2. Bị đơn:** Ông Đỗ Cao T, sinh năm 1982; Địa chỉ: hẻm Đồng Đ, khu phố 1, phường P, thành phố T, Phú Yên; Địa chỉ nơi làm việc: Chi nhánh Sacombank Phú Yên – Phòng giao dịch S, 54 Trần Hưng Đ, thị trấn H, huyện S, Phú Yên. Có mặt.

**3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Vợ chồng ông Trương Sỹ H, sinh năm 1964, bà Lê Thị N, sinh năm 1963; Trú tại: Khu phố N, thị trấn C, huyện A, Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:** Giữa bà Nguyễn Thị G và ông Đỗ Cao T có mối quan hệ quen biết nên ngày 05/9/2016, bà G có cho anh T vay số tiền 500.000.000đ để đáo hạn Ngân hàng cho ông Trương Sĩ H, hẹn 03 ngày sẽ trả lại, khi vay các bên có thỏa thuận mức lãi suất là 6%/tháng. Ông T có đưa cho bà G giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông Trương Sĩ H

và bà Lê Thị N để làm tin. Tuy nhiên, từ đó đến nay, ông T vẫn chưa trả cho bà G số tiền trên. Do đó, bà G yêu cầu ông T phải trả số tiền còn nợ là 500.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm, thời gian tính lãi là kể từ ngày 05/9/2016. Bà Nguyễn Thị G thừa nhận ông T đã trả cho bà G số tiền lãi 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng).

**Bị đơn ông Đỗ Cao T trình bày:** Thống nhất với trình bày của bà G, ngày 05/9/2016, ông T có mượn của bà G số tiền 500.000.000đ để cho ông Trương Sĩ H đáo hạn Ngân hàng và hẹn 03 ngày sẽ trả, khi vay các bên có thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng. Tuy nhiên, vì lý do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông H, bà N gặp trục trặc nên không thể tiếp tục vay tại Ngân hàng nên ông H, bà N chưa có tiền để hoàn trả lại số tiền 500.000.000đ mà ông T đã đứng ra mượn bà G. Đối với yêu cầu của bà G, ông không đồng ý trả vì bản chất ông chỉ đứng ra mượn giúp ông H, bà N. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 24/11/2021, ông T đồng ý trả cho bà G số tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm khấu trừ lại số tiền lãi đã trả cho bà G là 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng).

**Tại đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Trương Sĩ H, bà Lê Thị N trình bày:** việc bà Nguyễn Thị G khởi kiện ông Đỗ Cao T yêu cầu ông T trả số tiền 500.000.000đ và tiền lãi là việc vay mượn giữa ông T, bà G, vợ chồng ông H, bà N không liên quan. Việc ông T khi đó là cán bộ ngân hàng Sacombank đưa GCNQSDĐ của vợ chồng ông bà cho bà G là không đúng, vợ chồng ông Hoàng, bà N không thể chấp GCNQSDĐ cho bà G để bảo đảm cho ông T vay tiền, hiện nay GCNQSDĐ đã bị UBND huyện A thu hồi, vợ chồng ông đã khởi kiện tại TAND tỉnh Phú Yên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2021/DSST ngày 24 tháng 11 năm 2021 của TAND thành Phố T đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G về yêu cầu bị đơn anh Đỗ Cao T trả số tiền vay 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 05/9/2016 với lãi suất 20%/năm;

- Buộc bị đơn anh Đỗ Cao T phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị G số tiền 946.943.666đ (chín trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng)

và tiền lãi là 446.943.666đ (bốn trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, bị đơn ông Đỗ Cao T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Yêu cầu HĐXXPT giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.
- Quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa: Thẩm phán, HĐXX, Thẩm tra viên trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa tiến hành tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Đỗ Cao T yêu cầu Tòa triệu tập ông Trương Sỹ Hoàng đến phiên tòa để đối chất. Tuy nhiên, ông Trương Sỹ H đã có đơn xin xét xử vắng mặt, trình bày ý kiến, do đó căn cứ Điều 296 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Đỗ Cao T thừa nhận ông đã cầm số tiền 500.000.000đ do bà G đưa, sau đó ông đưa số tiền này cho ông Trương Sỹ H đáo hạn Ngân hàng, nhưng sau khi xóa thẻ chấp thì Giấy CNQSDĐ của ông H gặp trục trặc không vay tiền lại được, đúng ngày hẹn không có tiền trả, ông cùng ông H đến gặp bà G thì xảy ra tranh cãi, ông H không chịu nhận nợ, nên bà G buộc ông phải viết Giấy mượn tiền ngày 05.9.2016. Do đó, ông kháng cáo không chấp nhận việc trả nợ vì bản chất ông mượn giùm cho ông H chứ ông không sử dụng số tiền vay nói trên. Bà Nguyễn Thị G cũng đồng ý với lời trình bày của ông T về việc ông T nói với bà là mượn tiền cho ông H đáo hạn Ngân hàng, bà không biết ông H là ai, bà đưa 500.000.000đ trực tiếp cho ông T, sổ đỏ của vợ chồng ông H cũng do ông T đưa cho bà giữ làm tin, do đó ông T phải trả lại tiền cho bà, còn việc ông T có đòi lại được tiền từ ông H hay không là việc của ông T. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Thị G, bị đơn Đỗ Cao T, căn cứ Giấy mượn tiền đề ngày 05.9.2016 tuy nội dung ghi “Đề trả

nợ vay cho chú Trương Sĩ H theo giấy chứng nhận số BDD536723” nhưng không có chữ ký xác nhận của ông H. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông T chấp nhận khoản nợ gốc và lãi, chấp nhận trả nợ khấu trừ lại tiền lãi đã trả 75.000.000đ, cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn ông T kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo, chấp nhận ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Bị đơn ông Đỗ Cao T kháng cáo không được chấp nhận, nên phải chịu án phí DSPT theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm

Căn cứ vào các Điều: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G về yêu cầu bị đơn anh Đỗ Cao T trả số tiền vay 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 05/9/2016 với lãi suất 20%/năm;

- Buộc bị đơn anh Đỗ Cao T phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị G số tiền 946.943.666đ (chín trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi là 446.943.666đ (bốn trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

Ngoài ra, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn bà Nguyễn Thị G có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn anh Đỗ Cao T chậm thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn anh Đỗ Cao T phải chịu 40.408.309đ (bốn mươi triệu bốn trăm lẻ tám ngàn ba trăm lẻ chín đồng) và 300.000đ án phí DSPT, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ mà ông T đã tạm nộp án phí phúc thẩm tại biên lai số 0004922 ngày 27.12.2021 tại Chi cục THADS thành phố T. Ông T còn phải chịu 40.408.309đ (bốn mươi triệu bốn trăm lẻ tám ngàn ba trăm lẻ chín đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị G 12.000.000đ tiền tạm ứng án phí nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0000744 ngày 15/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại Đà Nẵng
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND tỉnh Phú Yên
- TAND TP T
- Chi cục THADS TP T
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Ngọc Hà**